

TUYÊN BỐ BẢN QUYỀN

Tài liệu này thuộc loại giáo trình nên các nguồn thông tin có thể được phép dùng nguyên bản hoặc trích dùng cho các mục đích về đào tạo và tham khảo.

Mọi mục đích khác mang tính lệch lạc hoặc sử dụng với mục đích kinh doanh thiếu lành mạnh sẽ bị nghiêm cấm.

TaiLieu.vn

LỜI GIỚI THIỆU

Kỹ thuật an toàn - môi trường công nghiệp là một trong những môn học cơ sở của nghề Hàn được biên soạn dựa theo chương trình đào tạo chất lượng thường đã xây dựng và ban hành năm 2021 của trường Cao đẳng nghề Cần Thơ dành cho nghề Hàn hệ Cao đẳng.

Giáo trình được biên soạn làm tài liệu học tập, giảng dạy nên giáo trình đã được xây dựng ở mức độ đơn giản và dễ hiểu, trong mỗi bài học đều có thí dụ và bài tập tương ứng để áp dụng và làm sáng tỏ phần lý thuyết.

Khi biên soạn, nhóm biên soạn đã dựa trên kinh nghiệm thực tế giảng dạy, thiết bị thực hành của trường, tham khảo đồng nghiệp, tham khảo các giáo trình hiện có và cập nhật những kiến thức mới có liên quan để phù hợp với nội dung chương trình đào tạo và phù hợp với mục tiêu đào tạo, nội dung được biên soạn gắn với nhu cầu thực tế của doanh nghiệp. Nội dung giáo trình được biên soạn với dung lượng thời gian đào tạo 30 giờ gồm có:

Chương 1 MH 12-01: Mục đích ý nghĩa, tính chất và nhiệm vụ của công tác bảo hộ lao động

Chương 2 MH 12-02: Những khái niệm về công tác chức bảo hộ lao động.

Chương 3 MH 12-03: Phân tích điều kiện và nguyên nhân gây ra tai nạn lao động

Chương 4 MH 13-04: Khái niệm về vệ sinh lao động, vi khí hậu, bức xạ hóa và tiếng ồn

Chương 5 MH 12-05: Bụi và rung động trong sản xuất

Chương 6 MH 12-06: Ảnh hưởng của điện từ trường, hóa chất độc

Chương 7 MH 12-07: Ánh sáng, màu sắc và Kỹ thuật thông gió trong lao động.

Chương 8 MH 12-08: Kỹ thuật an toàn khi sửa chữa máy

Chương 9 MH 12-09: kỹ thuật an toàn trong gia công cơ khí

Chương 10 MH 12-10: Kỹ thuật an toàn điện, phòng chống cháy nổ và sử dụng thiết bị nâng hạ.

Giáo trình cũng là tài liệu giảng dạy và tham khảo tốt cho các nghề Cắt gọt kim loại, Hàn.....

Mặc dù đã cố gắng tổ chức biên soạn để đáp ứng được mục tiêu đào tạo nhưng không tránh được những thiếu sót. Rất mong nhận được sự đóng góp ý kiến của các thầy, cô, bạn đọc để nhóm biên soạn sẽ điều chỉnh hoàn thiện hơn.

Cần Thơ, ngày 30 tháng 9 năm 2021

Tham gia biên soạn

1. Chủ biên: Trần Thanh Điền

2. Huỳnh Chí Linh

	MỤC LỤC	
	NỘI DUNG GIÁO TRÌNH	7
1	Chương 1: Mục đích, ý nghĩa, tính chất và nhiệm vụ của công tác bảo hộ lao động	12
	1. Mục đích, ý nghĩa của công tác bảo hộ lao động	12
	1.1. Khái niệm.	12
	1.2. Mục đích của công tác Bảo hộ lao động.	12
	1.3. Ý nghĩa của công tác bảo hộ lao động.	13
	2. Tính chất và nhiệm vụ của công tác bảo hộ lao động.	14
	2. Tính chất và nhiệm vụ của công tác bảo hộ lao động.	14
	2.1. Tính chất.	14
	2.2. Nhiệm vụ.	14
2	Những khái niệm cơ bản và công tác tổ chức về bảo hộ lao động.	16
	1. Những khái niệm cơ bản về bảo hộ lao động.	16
	1.1. Điều kiện lao động.	16
	1.2. Các yếu tố nguy hiểm và có hại.	17
	1.3. Tai nạn lao động.	18
	1.4. Bệnh nghề nghiệp.	19
	2. Công tác tổ chức bảo hộ lao động.	20
	2.1. Khái quát chung.	20
	2.2. Trách nhiệm của các cơ quan quản lý nhà nước trong công tác bảo hộ lao động.	20
	2.3. trách nhiệm của các cấp các ngành và tổ chức Công đoàn trong công tác bảo hộ lao động.	22
	2.4. Công tác bảo hộ lao động trong doanh nghiệp.	23
	CÂU HỎI ÔN TẬP	26
3	Phân tích điều kiện và nguyên nhân gây ra tai nạn lao động	27
	1. Phân tích điều kiện lao động	27
	1.1. Lao động	27
	1.2. Năng suất lao động, cường độ lao động	28
	1.3. Điều kiện lao động	32
	2. Nguyên nhân gây ra tai nạn lao động	32
	2.1. Nguyên nhân kỹ thuật.	33
	2.2. Nguyên nhân tổ chức là nguyên nhân liên quan đến những thiếu sót về mặt tổ chức thực hiện.	33
	2.3. Nguyên nhân về sinh môi trường	33
	2.4. Nguyên nhân bản thân là nguyên nhân liên quan đến bản thân lao động.	33
	CÂU HỎI ÔN TẬP	34
4	Chương 4: Khái niệm về vệ sinh lao động, vi khí hậu, bức xạ ion hoá và tiếng ồn	35
	1. Khái niệm về vệ sinh lao động	35
	1.1. Đối tượng và nhiệm vụ của vệ sinh lao động	35
	1.2. Nội dung của khoa học vệ sinh lao động	35

	1.3. Phân loại tác hại của nghề nghiệp.	35
	2. Vi khí hậu	36
	2.1. Khái niệm.	36
	2.2. Các yếu tố vi khí hậu.	37
	2.3. Ảnh hưởng của vi khí hậu đối với cơ thể.	37
	2.4. Các biện pháp phòng chống vi khí hậu xấu.	39
	3. Bức xạ ion hoá	40
	3.1. Tác động của tia bức xạ lên môi trường xung quanh.	41
	3.2. Các kiểu chiếu xạ tác động lên cơ thể con người.	42
	3.3. Ảnh hưởng của phóng xạ lên cơ thể con người.	42
	3.4. Quy tắc bảo vệ phóng xạ,	43
	4. Tiếng ồn	43
	4.1. Khái niệm	43
	4.2. Phân loại tiếng ồn	44
	4.3. Ảnh hưởng của tiếng ồn đối với sinh lý con người.	44
	CÂU HỎI ÔN TẬP	46
5	Chương 5: Bụi và rung động trong sản xuất	47
	1. Bụi	47
	1.1. Định nghĩa	47
	1.2. Khái niệm bụi trong sản xuất.	47
	1.3. Phân loại.	47
	1.4. Tác hại của bụi.	48
	1.5. Biện pháp phòng chống bụi.	52
	2. Rung động trong sản xuất.	52
	2.1. Khái niệm.	52
	2.2. Các đại lượng đặc trưng cho rung động	52
	2.3. Sự lan truyền của rung động.	53
	2.4. Nguồn rung động..	53
	2.5. Tác hại của rung động đến cơ thể.	53
	2.6. Các biện pháp giảm rung động trong sản xuất	55
	CÂU HỎI ÔN TẬP	56
6	Chương 6: Ảnh hưởng của điện từ trường, hoá chất độc	57
	1. Ảnh hưởng của điện từ trường	57
	1.1. Khái niệm	57
	1.2. Phân loại điện từ trường	57
	1.3. Ảnh hưởng của điện từ trường.	58
	2. Ảnh hưởng của hoá chất độc	58
	2.1. Khái niệm.	58
	2.2. Đặc tính chung của của hóa chất độc	58
	2.3. Phân loại các nhóm hóa chất độc.	59
	2.4. Một số chất độc và các dạng nhiễm độc nghề nghiệp thường gặp.	59
	2.5. Các biện pháp phòng tránh.	60
	CÂU HỎI ÔN TẬP	61

7	Chương 7:Ánh sáng, màu sắc và kỹ thuật thông gió trong lao động	62
	1.Kỹ thuật chiếu sáng	62
	1.1.Một số khái niệm về ánh sáng, đơn vị đo ánh sáng và sinh lý mắt.	62
	1.2. Các dạng chiếu sáng	62
	2. Kỹ thuật thông gió	64
	2.1. Lợi ích của thông gió công nghiệp	64
	2.2. Các biện pháp thông gió	64
	2.3. Các loại hệ thống thông gió	65
	CÂU HỎI ÔN TẬP	66
8	Chương 8 : Kỹ thuật an toàn khi sửa chữa máy	67
	1. Khái niệm về kỹ thuật an toàn	67
	2. Kỹ thuật an toàn khi lắp ráp, sửa chữa và thử máy	67
	2.1. Trước khi sửa chữa điều chỉnh	68
	2.2. Trong sửa chữa điều chỉnh máy.	68
	2.3. Khi sửa chữa điều chỉnh xong.	68
	CÂU HỎI ÔN TẬP	69
9	Chương 9: Kỹ thuật an toàn khi gia công cơ khí	70
	1. Kỹ thuật an toàn khi gia công cơ khí	70
	1.1. Các mối nguy hiểm trong cơ khí	70
	1.2. Các nguyên nhân gây ra tai nạn do người lao động sử dụng các máy móc, thiết bị cơ khí	70
	2. Các giải pháp kỹ thuật an toàn trong cơ khí	71
	2.1.Biện pháp phòng ngừa chung	71
	2.2.Trước khi sử dụng máy	72
	2.3.Trước khi gia công	72
	2.4.An toàn khi sử dụng máy công cụ	72
	3. Sử dụng các trang bị bảo hộ lao động	74
	3.1.Phương tiện bảo vệ cá nhân	74
	3.2.Các phương tiện bảo vệ cá nhân	74
	3.3.Người lao động sử dụng phương tiện bảo vệ cá nhân	74
	3.4.Giới hạn bảo vệ của phương tiện bảo vệ cá nhân.	74
	3.5.Chất lượng phương tiện bảo vệ cá nhân	75
	3.6.Nguyên tắc sử dụng phương tiện bảo vệ cá nhân	75
	3.7. Nguyên tắc bảo quản phương tiện bảo vệ cá nhân	75
	CÂU HỎI ÔN TẬP	76
10	Chương 10: Kỹ thuật an toàn điện, phòng chống cháy nổ và sử dụng thiết bị nâng hạ	77
	1. Kỹ thuật an toàn điện	77
	1.1.Những khái niệm về an toàn điện	77
	1.2. Các biện pháp cần thiết để đảm bảo an toàn điện	78
	2. Kỹ thuật an toàn đối với thiết bị nâng hạ	79
	2.1. Nguyên nhân phát sinh khi vận chuyển máy nâng hạ	80
	2.2. Các biện pháp kỹ thuật an toàn	80

2.3. Các yêu cầu đối Với thiết bị an toàn trên máy	81
3. Kỹ thuật an toàn phòng chống cháy và nổ	81
3.1. khái niệm về cháy nổ	81
3.2. Điều kiện cần thiết cho quá trình cháy	81
3.3. Những nguyên nhân gây cháy nổ trực tiếp.	81
3.4.Các biện pháp nguyên lý và phương pháp phòng cháy nổ ở các cơ quan xí nghiệp.	82
4. Sử dụng các thiết bị phòng chống cháy nổ, thiết bị nâng hạ	83
4.1. sử dụng các thiết bị phòn cháy nổ	83
4.2. Sử dụng các thiết bị nâng hạ	85
CÂU HỎI ÔN TẬP	86
TÀI LIỆU THAM KHẢO	88

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: KỸ THUẬT AN TOÀN - MÔI TRƯỜNG CÔNG NGHIỆP

Mã môn học: MH 12

Thời gian thực hiện môn học: 30 giờ; (Lý thuyết: 26 giờ; bài tập: 2 giờ; Kiểm tra 2 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: Môn học Kỹ Thuật An Toàn - Môi Trường Công Nghiệp được bố trí khi sinh viên học xong các môn học chung

- Tính chất:

+ Là môn học kỹ thuật cơ sở thuộc các môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc..

+ Là môn học giúp cho sinh viên trong tất các môn học, mô đun sau này.

II. Mục tiêu môn học:

- Về kiến thức:

+ Trình bày chính xác các điều quy định của Luật Lao động áp dụng cho sản xuất

+ Giải thích được các yếu tố nguy hiểm và có hại đến sức khỏe người lao động.

+ Phân tích được nguyên nhân gây ra tai nạn.

+ Mô tả được một số phương pháp sơ cứu và cấp cứu khi đồng nghiệp bị tai nạn.

+ Trình bày được cách sử dụng các phương tiện bảo hộ lao động và các phương tiện khác nhằm ngăn ngừa tai nạn lao động.

- Về kỹ năng: Sử dụng các phương tiện bảo hộ lao động, sơ cứu, cấp cứu nạn nhân khi bị tai nạn.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Rèn luyện tính kỷ luật, kiên trì, cẩn thận, nghiêm túc, chủ động và tích cực sáng tạo trong học tập.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

Số TT	Tên các chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
1	Mục đích, ý nghĩa, tính chất và nhiệm vụ của công tác bảo hộ lao động	2	2		
	1. Mục đích, ý nghĩa của công tác bảo hộ lao động	1	1		
	1.1.Khái niệm.				
	1.2.Mục đích của công tác Bảo hộ lao động.				
	1.3. Ý nghĩa của công tác bảo hộ lao động.				
	2. Tính chất và nhiệm vụ của công tác bảo hộ lao động.	1	1		
	2.1.Tính chất.				
	2.2. Nhiệm vụ.				

2	Những khái niệm cơ bản và công tác tổ chức về bảo hộ lao động.	3	2		
	1.Những khái niệm cơ bản về bảo hộ lao động.	0.5	0.5		
	1.1.Điều kiện lao động.				
	1.2.Các yếu tố nguy hiểm và có hại.				
	1.3.Tai nạn lao động.				
	1.4.Bệnh nghề nghiệp.				
	2. Công tác tổ chức bảo hộ lao động.	2.5	1.5	1	
	2.1.Khái quát chung.				
	2.2.Trách nhiệm của các cơ quan quản lý nhà nước trong công tác bảo hộ lao động.				
	2.3.trách nhiệm của các cấp các ngành và tổ chức Công đoàn trong công tác bảo hộ lao động.				
	2.4.Công tác bảo hộ lao động trong doanh nghiệp.				
3	Phân tích điều kiện và nguyên nhân gây ra tai nạn lao động	2	2		
	1. Phân tích điều kiện lao động	1	1		
	1.1.Lao động				
	1.2.Năng suất				
	1.3.Điều kiện lao động				
	2. Nguyên nhân gây ra tai nạn lao động	1	1		
	2.1.Nguyên nhân kỹ thuật.				
	2.2.Nguyên nhân tổ chức là nguyên nhân liên quan đến những thiếu sót về mặt tổ chức thực hiện.				
	2.3.Nguyên nhân vệ sinh môi trường				
	2.4.Nguyên nhân bản thân là nguyên nhân liên quan đến bản thân lao động.				
4	Khái niệm về vệ sinh lao động, vi khí hậu, bức xạ ion hoá và tiếng ồn	3	3		
	1. Khái niệm về vệ sinh lao động	0.5	0.5		
	1.1.Đối tượng và nhiệm vụ của vệ sinh lao động				
	1.2. Nội dung của khoa học vệ sinh lao động				
	1.3. Phân loại tác hại của nghề nghiệp.				
	2. Vi khí hậu	0.5	0.5		
	2.1.Khái niệm.				
	2.2.Các yếu tố vi khí hậu.				
	2.3.Ảnh hưởng của vi khí hậu đối với cơ thể.				
	2.4.Các biện pháp phòng chống vi khí hậu xấu.				

	3. Bức xạ ion hoá	1	1		
	3.1.Tác động của tia bức xạ lên môi trường xung quanh.				
	3.2.Các kiểu chiếu xạ tác động lên cơ thể con người.				
	3.3.Ảnh hưởng của phóng xạ lên cơ thể con người.				
	3.4. Quy tắc bảo vệ phóng xạ,				
	4.Tiếng ồn	1	1		
	4.1.Khái niệm				
	4.2.Phân loại tiếng ồn				
	4.3.Ảnh hưởng của tiếng ồn đối với sinh lý con người.				
5	Bụi và rung động trong sản xuất	3	3		
	1.Bụi	1.5	1.5		
	1.1.Định nghĩa				
	1.2.Khái niệm bụi trong sản xuất.				
	1.3.Phân loại.				
	1.4.Tác hại của bụi.				
	1.5. Biện pháp phòng chống bụi.				
	2. Rung động trong sản xuất.	1.5	1.5		
	2.1.Khái niệm.				
	2.2. Các đại lượng đặc trưng cho rung động				
	2.3. Sự lan truyền của rung động.				
	2.4. Nguồn rung động..				
	2.5. Tác hại của rung động đến cơ thể.				
	2.6. Các biện pháp giảm rung động trong sản xuất				
6	Ảnh hưởng của điện từ trường, hoá chất độc	2	2		
	1. Ảnh hưởng của điện từ trường	1	1		
	1.1. Khái niệm				
	1.2. Phân loại điện từ trường				
	1.3.Ảnh hưởng của điện từ trường.				
	2. Ảnh hưởng của hoá chất độc	1	1		
	2.1.Khái niệm.				
	2.2. Đặc tính chung của của hóa chất độc				
	2.3. Phân loại các nhóm hóa chất độc.				
	2.4. Một số chất độc và các dạng nhiễm độc nghề nghiệp thường gặp.				
	2.5.Các biện pháp phòng tránh.				
7	Ánh sáng, màu sắc và kỹ thuật thông gió trong lao động	3	2		

	1.Kỹ thuật chiếu sáng	1	1		
	1.1.Một số khái niệm về ánh sáng, đơn vị đo ánh sáng và sinh lý mắt.				
	1.2. Các dạng chiếu sáng				
	2. Kỹ thuật thông gió	1	1		
	2.1. Lợi ích của thông gió công nghiệp				
	2.2. Các biện pháp thông gió				
	2.3. Các loại hệ thống thông gió				
	- Kiểm Tra (chương 1 đến chương 6)	1			1
8	Kỹ thuật an toàn khi sửa chữa máy	3	3		
	1. Khái niệm về kỹ thuật an toàn	1	1		
	2. Kỹ thuật an toàn khi lắp ráp, sửa chữa và thử máy	2	2		
	2.1. Trước khi sửa chữa điều chỉnh				
	2.2. Trong sửa chữa điều chỉnh máy.				
	2.3. Khi sửa chữa điều chỉnh xong.				
9	Kỹ thuật an toàn khi gia công cơ khí	5	5		
	1. Kỹ thuật an toàn khi gia công cơ khí	1.5	1.5		
	1.1. Các mối nguy hiểm trong cơ khí				
	1.2. Các nguyên nhân gây ra tai nạn do người lao động sử dụng các máy móc, thiết bị cơ khí				
	2. Các giải pháp kỹ thuật an toàn trong cơ khí	1.5	1.5		
	2.1.Biện pháp phòng ngừa chung				
	2.2.Trước khi sử dụng máy				
	2.3.Trước khi gia công				
	2.4.An toàn khi sử dụng máy công cụ				
	3. Sử dụng các trang bị bảo hộ lao động	2	2		
	3.1.Phương tiện bảo vệ cá nhân				
	3.2.Các phương tiện bảo vệ cá nhân				
	3.3.Người lao động sử dụng phương tiện bảo vệ cá nhân				
	3.4.Giới hạn bảo vệ của phương tiện bảo vệ cá nhân.				
	3.5.Chất lượng phương tiện bảo vệ cá nhân				
	3.6.Nguyên tắc sử dụng phương tiện bảo vệ cá nhân				
	3.7. Nguyên tắc bảo quản phương tiện bảo vệ cá nhân				
10	Kỹ thuật an toàn điện, phòng chống cháy nổ và sử dụng thiết bị nâng hạ	4	2	1	1
	1. Kỹ thuật an toàn điện	0.5	0.5		

	1.1.Những khái niệm về an toàn điện				
	1.2. Các biện pháp cần thiết để đảm bảo an toàn điện				
	2. Kỹ thuật an toàn đối với thiết bị nâng hạ	0.5	0.5		
	2.1. Nguyên nhân phát sinh khi vận chuyển máy nâng hạ				
	2.2. Các biện pháp kỹ thuật an toàn				
	2.3. Các yêu cầu đối Với thiết bị an toàn trên máy				
	3. Kỹ thuật an toàn phòng chống cháy và nổ	1	0.5		
	3.1. khái niệm về cháy nổ				
	3.2. Điều kiện cần thiết cho quá trình cháy				
	3.3. Những nguyên nhân gây cháy nổ trực tiếp.				
	3.4.Các biện pháp nguyên lý và phương pháp phòng cháy nổ ở các cơ quan xí nghiệp.				
	4. Sử dụng các thiết bị phòng chống cháy nổ, thiết bị nâng hạ	1	0.5		
	4.1. sử dụng các thiết bị phòn cháy nổ				
	4.2. Sử dụng các thiết bị nâng hạ				
	5. Kiểm Tra (chương 8 đến chương 10)	1			1
	Cộng	30	26	2	2

CHƯƠNG 1: MỤC ĐÍCH, Ý NGHĨA, TÍNH CHẤT VÀ NHIỆM VỤ CỦA CÔNG TÁC BẢO HỘ LAO ĐỘNG

Mã chương: MH 12-01

Giới Thiệu

Đảng và nhà nước ta đã xác định nhân tố con người là mục tiêu của sự tồn tại và phát triển đất nước. Lực lượng lao động chiếm một tỷ lệ lớn trong cộng đồng người và có một vai trò quan trọng trong quá trình phát triển kinh tế xã hội. Vì vậy Đảng, nhà nước ta luôn coi trọng công tác bảo hộ lao động và coi đây là một lĩnh vực công tác lớn, đồng thời yêu cầu mọi người phải nghiêm chỉnh thực hiện.

Mục tiêu:

- Trình bày được mục đích, ý nghĩa của công tác bảo hộ lao động.
- Nhận biết rõ tình hình tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp.
- Rèn luyện tính kỷ luật, kiên trì, cẩn thận, nghiêm túc, chủ động và tích cực sáng tạo trong học tập.

Nội dung chính:

1. Mục đích, ý nghĩa của công tác bảo hộ lao động.

1.1. Khái niệm.

Lao động là hoạt động quan trọng nhất của con người, nó tạo ra của cải vật chất và các giá trị tinh thần của xã hội. Lao động có năng suất, chất lượng và hiệu quả cao là nhân tố quyết định sự phát triển của đất nước, xã hội, gia đình và bản thân mỗi người lao động. Bất cứ một chế độ xã hội nào, lao động của con người cũng là một trong những yếu tố quyết định nhất, năng động nhất trong sản xuất.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói: *"Xã hội có cơm ăn, áo mặc, nhà ở là nhờ người lao động. Xây dựng giàu có, tự do dân chủ cũng là nhờ người lao động. Tri thức mở mang, cũng nhờ lao động. Vì vậy lao động là sức chính của sự tiến bộ xã hội loài người"*.

Trong quá trình lao động tạo ra của cải vật chất cho xã hội, con người luôn phải tiếp xúc với máy móc, trang thiết bị, công cụ và môi trường... Đây là một quá trình hoạt động phong phú, đa dạng và rất phức tạp, vì vậy luôn phát sinh những mối nguy hiểm và rủi ro... làm cho người lao động có thể bị tai nạn hoặc mắc bệnh nghề nghiệp, vì vậy vấn đề đặt ra là làm thế nào để hạn chế được tai nạn lao động đến mức thấp nhất. Một trong những biện pháp tích cực nhất đó là giáo dục ý thức bảo hộ lao động cho mọi người và làm cho mọi người hiểu được mục đích, ý nghĩa của công tác bảo hộ lao động.

Bảo hộ lao động là môn khoa học nghiên cứu các vấn đề hệ thống các văn bản pháp luật, các biện pháp về tổ chức kinh tế - xã hội và khoa học công nghệ để cải tiến điều kiện lao động nhằm:

Bảo vệ sức khỏe, tính mạng con người trong lao động.

Nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm.

Bảo vệ môi trường lao động nói riêng và môi trường sinh thái nói chung.

Góp phần cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của người lao động.

Nói một cách ngắn gọn hơn: Bảo hộ lao động là hệ thống các giải pháp về pháp luật, khoa học kỹ thuật, kinh tế - xã hội nhằm đảm bảo an toàn và sức khỏe của con người trong quá trình lao động sản xuất.

1.2. Mục đích của công tác Bảo hộ lao động.

Một quá trình lao động có thể tồn tại một hoặc nhiều yếu tố nguy hiểm, có hại. Nếu không được phòng ngừa, ngăn chặn, chúng có thể tác động vào con người gây chấn thương, gây bệnh nghề nghiệp, làm giảm sút, làm mất khả năng lao động hoặc gây tử vong. Cho nên việc chăm lo cải thiện điều kiện lao động, đảm bảo nơi làm việc an toàn, vệ sinh là một trong những nhiệm vụ trọng yếu để phát triển sản xuất, tăng năng suất lao động.

Công tác bảo hộ lao động, là một nhiệm vụ quan trọng trong quá trình lao động, nhằm mục đích:

Đảm bảo an toàn thân thể người lao động, hạn chế đến mức thấp nhất, hoặc không để xảy ra tai nạn trong lao động.

Đảm bảo cho người lao động mạnh khỏe, không bị mắc bệnh nghề nghiệp hoặc các bệnh tật khác do điều kiện lao động không tốt gây nên.

Bồi dưỡng phục hồi kịp thời và duy trì sức khỏe, khả năng lao động cho người lao động.

1.3. Ý nghĩa của công tác bảo hộ lao động.

Ý nghĩa chính trị:

Bảo hộ lao động thể hiện quan điểm coi con người vừa là động lực, vừa là mục tiêu của sự phát triển. Một đất nước có tỷ lệ tai nạn lao động thấp, người lao động khỏe mạnh, không mắc bệnh nghề nghiệp là một xã hội luôn luôn coi con người là vốn quý nhất, sức lao động, lực lượng lao động luôn được bảo vệ và phát triển. Công tác bảo hộ lao động làm tốt là góp phần tích cực chăm lo bảo vệ sức khỏe, tính mạng và đời sống người lao động, biểu hiện quan điểm quần chúng, quan điểm quý trọng con người của Đảng và Nhà nước, vai trò của con người trong xã hội được tôn trọng.

Ngược lại, nếu công tác bảo hộ lao động không tốt, điều kiện lao động không được cải thiện, để xảy ra nhiều tai nạn lao động nghiêm trọng thì uy tín của chế độ, uy tín của doanh nghiệp sẽ bị giảm sút.

Ý nghĩa xã hội:

Bảo hộ lao động là chăm lo đời sống, hạnh phúc của người lao động. Bảo hộ lao động là yêu cầu thiết thực của các hoạt động sản xuất kinh doanh, đồng thời là yêu cầu, là nguyện vọng chính đáng của người lao động. Các thành viên trong mỗi gia đình ai cũng mong muốn khỏe mạnh, trình độ văn hóa, nghề nghiệp được nâng cao để cùng chăm lo hạnh phúc gia đình và góp phần vào công cuộc xây dựng xã hội ngày càng phồn vinh và phát triển.

Bảo hộ lao động đảm bảo cho xã hội trong sáng, lành mạnh, mọi người lao động khỏe mạnh, làm việc có hiệu quả và có vị trí xứng đáng trong xã hội, làm chủ xã hội, tự nhiên và khoa học kỹ thuật.

Khi tai nạn lao động không xảy ra thì Nhà nước và xã hội sẽ giảm bớt được những tổn thất trong việc khắc phục hậu quả và tập trung đầu tư cho các công trình phúc lợi xã hội.

Ý nghĩa kinh tế:

Thực hiện tốt công tác bảo hộ lao động sẽ đem lại lợi ích kinh tế rõ rệt. Trong lao động sản xuất nếu người lao động được bảo vệ tốt, điều kiện lao động thoải mái, thì sẽ an tâm, phấn khởi sản xuất, phấn đấu để có ngày công, giờ công cao, phấn đấu tăng năng suất lao động và nâng cao chất lượng sản phẩm, góp phần hoàn thành tốt kế hoạch sản xuất. Do vậy phúc lợi tập thể được tăng lên, có thêm điều kiện cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của cá nhân người lao động và tập thể lao động.

Chi phí bồi thường tai nạn là rất lớn đồng thời kéo theo chi phí lớn cho sửa chữa máy

móc, nhà xưởng, nguyên vật liệu...

Tóm lại an toàn là để sản xuất, an toàn là hạnh phúc của người lao động, là điều kiện đảm bảo cho sản xuất phát triển và đem lại hiệu quả kinh tế cao.

2. Tính chất và nhiệm vụ của công tác bảo hộ lao động.

2.1. Tính chất.

Bảo hộ lao động có 3 tính chất

Tính pháp luật:

Tất cả những chế độ, chính sách, quy phạm, tiêu chuẩn của nhà nước về bảo hộ lao động đã ban hành đều mang tính pháp luật. Pháp luật về bảo hộ lao động được nghiên cứu, xây dựng nhằm bảo vệ con người trong sản xuất, nó là cơ sở pháp lý bắt buộc các tổ chức nhà nước, các tổ chức xã hội, các tổ chức kinh tế và mọi người tham gia lao động phải có trách nhiệm nghiêm chỉnh thực hiện.

Tính khoa học - kỹ thuật:

Mọi hoạt động trong công tác bảo hộ lao động từ điều tra, khảo sát điều kiện lao động, phân tích đánh giá các nguy hiểm, độc hại và ảnh hưởng của chúng đến an toàn vệ sinh lao động cho đến việc đề xuất và thực hiện các giải pháp phòng ngừa, xử lý khắc phục đều phải vận dụng các kiến thức lý thuyết và thực tiễn trong các lĩnh vực khoa học kỹ thuật chuyên ngành hoặc tổng hợp nhiều chuyên ngành.

Ví dụ: Muốn chống tiếng ồn phải có kiến thức về âm học, muốn cải thiện điều kiện lao động, nặng nhọc và vệ sinh trong một số ngành nghề phải hiểu và giải quyết nhiều vấn đề tổng hợp phức tạp liên quan đến kiến thức khoa học nhiều lĩnh vực như thông gió, chiếu sáng, cơ khí hóa, tâm sinh lý học lao động... đồng thời với nền sản xuất công nghiệp hóa, hiện đại hóa, người lao động phải có kiến thức chuyên môn kỹ thuật để sản xuất, muốn sản xuất có hiệu quả và bảo vệ được tính mạng, sức khỏe, an toàn cho bản thân, thì phải hiểu biết kỹ về công tác bảo hộ lao động. Như vậy công tác bảo hộ lao động phải đi trước một bước.

Tính quần chúng:

Tính quần chúng thể hiện trên hai mặt:

Một là, bảo hộ lao động liên quan đến tất cả mọi người tham gia sản xuất, họ là người vận hành, sử dụng các dụng cụ, thiết bị máy móc, nguyên vật liệu nên có thể phát hiện được những thiếu sót trong công tác bảo hộ lao động, đóng góp xây dựng các biện pháp ngăn ngừa, đóng góp xây dựng hoàn thiện các tiêu chuẩn, quy phạm an toàn vệ sinh lao động.

Hai là, dù cho các chế độ chính sách, tiêu chuẩn quy phạm về bảo hộ lao động có đầy đủ đến đâu, nhưng mọi người (từ lãnh đạo, quản lý, người sử dụng lao động đến người lao động) chưa thấy rõ lợi ích thiết thực, chưa tự giác chấp hành thì công tác bảo hộ lao động cũng không thể đạt được kết quả mong muốn.

2.2. Nhiệm vụ.

Bảo hộ lao động gồm có bốn phần: Pháp luật bảo hộ lao động; Vệ sinh lao động; Kỹ thuật an toàn và Kỹ thuật phòng chống cháy.

Pháp luật bảo hộ lao động là một phần của Bộ luật lao động bao gồm những quy định về các chế độ chính sách bảo vệ con người trong lao động sản xuất như: thời gian làm việc và nghỉ ngơi, bảo vệ và bồi dưỡng sức khỏe cho người lao động, chế độ đối với lao động nữ, tiêu chuẩn quy phạm về kỹ thuật an toàn lao động và vệ sinh lao động...

Vệ sinh lao động là phần nghiên cứu ảnh hưởng của môi trường và điều kiện lao động sản xuất đến sức khỏe con người, đề xuất và thực hiện các biện pháp cải thiện điều kiện làm việc bảo vệ sức khỏe người lao động, phòng ngừa các bệnh nghề nghiệp.

Kỹ thuật an toàn là phần nghiên cứu, phân tích nguyên nhân tai nạn lao động, đề xuất và áp dụng các biện pháp tổ chức và kỹ thuật nhằm đảm bảo an toàn lao động.

Kỹ thuật phòng chống cháy là phần nghiên cứu phân tích các nguyên nhân phát sinh cháy, nổ, đề xuất và thực hiện các biện pháp phòng cháy và chống cháy một cách hiệu quả nhất./.

YÊU CẦU VỀ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP

1. Nội dung:

- Về kiến thức: - Trình bày được mục đích, ý nghĩa của công tác bảo hộ lao động.
- Nhận biết rõ tình hình tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp.
- Về kỹ năng: Nắm vững các mục đích, ý nghĩa của công tác bảo hộ lao động và các biện pháp an toàn lao động và bệnh nghề nghiệp.
- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Có ý thức tự giác, tính kỷ luật cao, tinh thần trách nhiệm trong công việc, có tinh thần hợp tác, giúp đỡ lẫn nhau. Rèn luyện tính kỷ luật, kiên trì, cẩn thận, nghiêm túc, chủ động và tích cực sáng tạo trong học tập.

2. Phương pháp đánh giá:

- Về kiến thức: Được đánh giá bằng hình thức kiểm tra viết hoặc trắc nghiệm.
- Về kỹ năng: Đánh giá thông qua các bài tập cá nhân và bài tập nhóm. Người học có thể ứng dụng công nghệ thông tin và làm việc nhóm để trình bày và giải quyết vấn đề trước tập thể lớp được nhanh chóng và chính xác.
- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Đánh giá thái độ và phong cách học tập

CÂU HỎI ÔN TẬP

Câu 1. Nêu khái niệm, mục đích, ý nghĩa, nhiệm vụ của công tác Bảo hộ lao động?

Câu 2. Trình bày các tính chất của công tác Bảo hộ lao động?

Câu 3. Nêu các hình thức kế hoạch trong nhà máy sản xuất?

Câu 4. Nêu các giải pháp an toàn vệ sinh lao động tại xưởng cắt gọt kim loại?

CHƯƠNG 2: NHỮNG KHÁI NIỆM CƠ BẢN VÀ CÔNG TÁC TỔ CHỨC VỀ BẢO HỘ LAO ĐỘNG

Mã chương: MH 12-02

Giới thiệu:

Người sử dụng lao động và người lao động phải hiểu từ điều kiện lao động, quá trình công nghệ nơi mà họ tham gia chỉ đạo và thực hiện sản xuất để phân tích, tìm ra các yếu tố nguy hiểm có thể gây ra tai nạn lao động, trên cơ sở đó đề ra các biện pháp phòng ngừa để hạn chế tới mức tối thiểu các tai nạn xảy ra trong quá trình sản xuất, đảm bảo an toàn sức khỏe cho người lao động.

Mục tiêu:

- Trình bày được các khái niệm về: điều kiện lao động, tai nạn lao động.
- Giải thích được các yếu tố nguy hiểm và có hại.
- Trình bày được khái niệm vùng nguy hiểm và các yếu tố nguy hiểm trong quá trình sản xuất.
- Áp dụng thực hiện được biện pháp trang bị bảo hộ lao động.
- Rèn luyện tính kỷ luật, kiên trì, cẩn thận, nghiêm túc, chủ động và tích cực sáng tạo trong học tập.

Nội dung chính:

1. Những khái niệm cơ bản về bảo hộ lao động.

Nội dung chủ yếu của **bảo hộ lao động** là an toàn lao động, vệ sinh lao động. Bởi vậy, trong nhiều trường hợp người ta dùng cụm từ "an toàn và vệ sinh lao động" để chỉ công tác Bảo hộ lao động. Trong trường hợp nói đến **bảo hộ lao động**, chúng ta hiểu đó là bao gồm cả an toàn lao động, vệ sinh lao động và cả những vấn đề về chính sách đối với người lao động như: vấn đề lao động và nghỉ ngơi, vấn đề lao động nữ, vấn đề bồi dưỡng độc hại.

An toàn lao động là chỉ việc ngăn ngừa sự cố tai nạn xảy ra trong quá trình lao động, gây thương tích đối với cơ thể hoặc gây tử vong cho người lao động.

Vệ sinh lao động là chỉ việc ngăn ngừa bệnh tật do những chất độc hại tiếp xúc trong quá trình lao động gây ra đối với nội tạng hoặc gây tử vong cho người lao động.

An toàn lao động và vệ sinh lao động là những chế định của luật lao động bao gồm những quy phạm pháp luật quy định việc đảm bảo an toàn lao động, vệ sinh lao động nhằm bảo vệ tính mạng, sức khỏe của người lao động, đồng thời duy trì tốt khả năng làm việc lâu dài của người lao động.

An toàn lao động không tốt thì gây ra tai nạn lao động, vệ sinh lao động không tốt thì gây ra bệnh nghề nghiệp.

Bảo hộ lao động là tập hợp tất cả các hoạt động đồng bộ trên các mặt luật pháp, tổ chức hành chính, kinh tế xã hội, khoa học kỹ thuật nhằm mục đích cải thiện điều kiện lao động, phòng chống tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp, đảm bảo an toàn sức khỏe cho người lao động.

1.1. Điều kiện lao động.

Điều kiện lao động là một tập hợp tổng thể các yếu tố tự nhiên, kỹ thuật, kinh tế, xã hội, được biểu hiện thông qua các công cụ và phương tiện lao động, quá trình công nghệ, môi trường lao động và sự sắp xếp, bố trí, tác động qua lại của chúng trong mối quan hệ với con người trong quá trình lao động.

Điều kiện lao động có ảnh hưởng đến sức khỏe và tính mạng của con người. Những công cụ và phương tiện, quần áo bảo hộ có tiện nghi, thuận lợi hay ngược lại gây khó khăn nguy hiểm cho người lao động, đối tượng lao động. Đối với quá trình công nghệ, trình độ cao hay thấp, thô sơ, lạc hậu hay hiện đại đều có tác động rất lớn đến người lao động. Môi trường lao động đa dạng, có nhiều yếu tố tiện nghi, thuận lợi hay ngược lại rất khắc nghiệt, độc hại, đều tác động rất lớn đến sức khỏe người lao động.



Hình 2.1. Một góc trong xưởng cơ khí

1.2. Các yếu tố nguy hiểm và có hại.

- Trong một điều kiện lao động cụ thể, bao giờ cũng xuất hiện các yếu tố vật chất có ảnh hưởng xấu, nguy hiểm, có nguy cơ gây tai nạn hoặc bệnh nghề nghiệp cho người lao động, gọi đó là các yếu tố nguy hiểm và có hại, cụ thể là:

- Các yếu tố vật lý như nhiệt độ, độ ẩm, tiếng ồn, rung động, các bức xạ có hạt, bụi.
- Các yếu tố hóa học như các chất độc, các loại hơi, khí, bụi độc, các chất phóng xạ.
- Các yếu tố sinh vật, vi sinh vật như các loại vi khuẩn, siêu vi khuẩn, ký sinh trùng, côn trùng, rắn, đối tượng vật nuôi,...
- Các yếu tố bất lợi về tư thế lao động, không tiện nghi do không gian chỗ làm việc, nhà xưởng chật hẹp, mất vệ sinh. Các yếu tố tâm lý không thuận lợi,...

Vùng nguy hiểm:

- Vùng nguy hiểm là khoảng không gian xác định trong đó tồn tại các yếu tố nguy hiểm, có hại có khả năng gây chấn thương trong sản xuất dưới dạng tai nạn lao động.

- Vùng nguy hiểm có 3 tính chất:

- + Cố định theo không gian, thời gian.
- + Thay đổi theo không gian, thời gian.
- + Yếu tố nguy hiểm có thể xuất hiện thường xuyên, chu kỳ hoặc bất ngờ.

* **Thí dụ:**

- Vùng giữa khuôn và đầu búa máy, máy đột dập.....
- Vùng giữa các trục cán, giữa vành tiếp xúc của các cặp bánh răng....
- Khoảng không gian xung quanh đường dây dẫn điện dưới can của các can trục.

* **Yêu cầu an toàn khi xác định được vùng nguy hiểm:**

- Khoanh vùng được phạm vi vùng nguy hiểm.
- Có các biện pháp bao che, che chắn an toàn.
- Xây dựng nội quy an toàn khi làm việc trong vùng nguy hiểm.

Các yếu tố nguy hiểm:

Theo các tài liệu về khoa học bảo hộ lao động, các yếu tố nguy hiểm là các yếu tố có thể tác động một cách bất ngờ lên cơ thể người lao động gây chết người hoặc gây chấn thương các bộ phận cơ thể của người lao động.

Các yếu tố nguy hiểm gây tai nạn lao động trong sản xuất rất đa dạng. Bộ Lao động

– Thương binh và Xã hội quy định dựa vào 16 yếu tố gây chấn thương để phân loại tai nạn lao động như sau:

1. Điện.
2. Phóng xạ;
3. Do phương tiện vận tải.
4. Do thiết bị chịu áp lực.
5. Do thiết bị nâng, thang máy.
6. Nổ các vật liệu nổ;
7. Máy móc, thiết bị cán, cuốn, kẹp, cắt, va đập.
8. Bỏng hóa chất.
9. Ngộ độc hóa chất.
10. Cháy nổ xăng dầu.
11. Sập đổ công trình.
12. Cây hoặc vật đổ, đè, rơi.
13. Ngã cao, ngã từ trên cao xuống.
14. Chết đuối.
15. Sập lò, sập đất đá ... trong xây dựng, khai thác, thăm dò khoáng sản.
16. Các loại khác.

Các yếu tố có hại:

Là những yếu tố của điều kiện lao động không thuận lợi, vượt quá giới hạn của tiêu chuẩn vệ sinh lao động cho phép, làm giảm sức khỏe người lao động, gây bệnh nghề nghiệp, đó là vi khí hậu, tiếng ồn, rung động, phóng xạ, ánh sáng, bụi, các chất, hơi, khí độc, các sinh vật có hại.

1.3. Tai nạn lao động.

Theo điều 3 chương I của Luật an toàn, vệ sinh lao động đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 25 tháng 6 năm 2015, thì “*Tai nạn lao động là tai nạn gây tổn thương cho bất kỳ bộ phận, chức năng nào của cơ thể hoặc gây tử vong cho người lao động, xảy ra trong quá trình lao động, gắn liền với việc thực hiện công việc, nhiệm vụ lao động*”

Như vậy, tai nạn lao động (TNLD) là những tai nạn chỉ xảy ra trong quá trình lao động sản xuất, không phải là những tai nạn xảy ra khi người lao động không thực hiện lao động sản xuất. Chỉ cần một động tác bất cẩn không chấp hành nội quy lao động hay quy trình về an toàn lao động thì người lao động có thể phải gánh chịu hậu quả không lường được.

TNLD cũng được hiểu là tai nạn xảy ra trong quá trình lao động do kết quả của sự tác động đột ngột từ bên ngoài của các yếu tố nguy hiểm có thể gây chết người hoặc làm tổn thương hoặc làm phá hủy chức năng hoạt động bình thường của một bộ phận nào đó trên cơ

thể. Khi người lao động bị nhiễm độc đột ngột một lượng lớn chất độc gây chết người hoặc hủy hoại chức năng hoạt động của một bộ phận cơ thể (nhiễm độc cấp tính) thì cũng được gọi là TNLD.

Để đánh giá tình trạng tai nạn lao động, người ta sử dụng hệ số tần suất tai nạn lao động (K): là số tai nạn lao động tính trên 1000 người một năm

$$K = (n \times 1000) / N$$

Trong đó:

n: Số TNLD tính cho một đơn vị, địa phương, ngành hoặc cho cả nước N: Tổng số người lao động tương ứng

K: Là hệ số tần suất TNLD chết người nếu n là số tai nạn lao động chết người

Tai nạn được coi là tai nạn lao động trong các trường hợp sau:

- Tai nạn xảy ra trên tuyến đường đi và về trực tiếp giữa nơi làm việc và:
 - + Nơi thường trú hoặc nơi tạm trú của người lao động.
 - + Nơi người lao động đến nhận tiền lương, tiền công.
- Tai nạn xảy ra do những nguyên nhân khách quan như: thiên tai, hỏa hoạn và các trường hợp rủi ro khác gắn liền với việc thực hiện các công việc, nhiệm vụ lao động hoặc không xác định được người gây ra tai nạn xảy ra tại nơi làm việc.

Tất cả những trường hợp trên phải được thực hiện ở địa điểm và thời gian hợp lý.

Tai nạn lao động được chia thành 3 loại:

+ Tai nạn lao động chết người: là tai nạn lao động dẫn đến chết người (chết ngay tại nơi xảy ra tai nạn; chết trên đường đi cấp cứu; chết trong thời gian cấp cứu; chết trong thời gian đang điều trị, chết do tái phát của chính vết thương do tai nạn lao động gây ra, trong quá trình làm việc...).

+ Tai nạn lao động nặng: là tai nạn lao động làm người lao động bị ít nhất một trong những chấn thương được quy định tại Phụ lục số 2 ban hành kèm theo Nghị định 39/2016/NĐ-CP, ngày 15 tháng 5 năm 2016.

+ Tai nạn lao động nhẹ: là tai nạn lao động không thuộc 2 loại tai nạn lao động nói trên.



Hình 2.2. An toàn lao động không tốt

1.4. Bệnh nghề nghiệp.

Là bệnh phát sinh do ảnh hưởng và tác động thường xuyên, kéo dài của các yếu tố có hại phát sinh trong sản xuất lên cơ thể người lao động. Đây là hiện trạng bệnh lý mang tính chất đặc trưng nghề nghiệp hoặc liên quan đến nghề nghiệp.

Điều 3 chương I của Luật an toàn, vệ sinh lao động “Bệnh nghề nghiệp là bệnh phát sinh do điều kiện lao động có hại của nghề nghiệp tác động đối với người lao động”.

Bệnh nghề nghiệp là sự suy yếu dần sức khỏe của người lao động gây nên bệnh tật do tác động của các yếu tố có hại phát sinh trong quá trình lao động trên cơ thể người lao động.

Như vậy cả tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp đều gây hủy hoại sức khỏe của con người hoặc gây chết người, nhưng khác nhau ở chỗ: Tai nạn lao động gây hủy hoại đột ngột (còn gọi là chấn thương), còn bệnh nghề nghiệp thì gây suy giảm từ từ trong một thời gian nhất định.



a. Bệnh điếc tiếp xúc với tiếng ồn vượt quá tiêu chuẩn



b. Bệnh bụi phổi tiếp xúc với mức bụi silic tự do

Hình 2.3. Vệ sinh lao động không tốt

2. Công tác tổ chức bảo hộ lao động.

2.1. Khái quát chung.

Công tác quản lý Nhà nước về Bảo hộ lao động bao gồm:

Ban hành và quản lý thống nhất hệ thống tiêu chuẩn an toàn lao động, tiêu chuẩn vệ sinh lao động đối với máy móc, thiết bị, nơi làm việc và các tác nhân có liên quan đến điều kiện lao động, tiêu chuẩn chất lượng, quy cách các loại phương tiện bảo vệ cá nhân.

Ban hành và quản lý thống nhất tiêu chuẩn phân loại lao động theo điều kiện lao động; tiêu chuẩn về sức khỏe đối với các nghề, các công việc.

Ban hành và quản lý thống nhất các quy phạm an toàn, quy phạm vệ sinh lao động.

- Quy định quyền và nghĩa vụ của người lao động và người sử dụng lao động
- Nội dung huấn luyện, đào tạo về an toàn - vệ sinh lao động
- Thanh tra, kiểm tra an toàn - vệ sinh lao động
- Điều tra, thống kê tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp
- Thông tin về an toàn - vệ sinh lao động
- Xử lý các vi phạm về an toàn - vệ sinh lao động
- Hợp tác quốc tế trong lĩnh vực an toàn - vệ sinh lao động

2.2. Trách nhiệm của các cơ quan quản lý Nhà nước trong công tác Bảo hộ lao động

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội:

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm xây dựng, trình cơ quan có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành các văn bản pháp luật, các chính sách chế độ bảo hộ lao động, an toàn lao động, vệ sinh lao động; Xây dựng, ban hành và quản lý thống nhất quy phạm Nhà nước về an toàn lao động, tiêu chuẩn phân loại lao động theo điều kiện lao động;